

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN K
TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **21/2022/HNGĐ-ST**

Ngày 10/6/2022

“V/v Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, TỈNH NINH BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thế Anh.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Phong, bà Trần Thị Lệ Dung

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Ninh, thư ký Tòa án nhân dân huyện K - tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa: Ông Ninh Trọng Khánh, Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình xét xử công khai vụ án thụ lý số 54/2022/TLST - HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2022 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị T, sinh năm 1998, ĐKKHKT: xóm Mỹ Hóa, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình, hiện cư trú: xóm 8B, xã C, huyện K, tỉnh Ninh Bình (có mặt)

- Bị đơn: Anh Trần Văn H, sinh năm 1994; ĐKKHKT và trú tại: xóm M, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình (vắng mặt lần 2 không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Về phía nguyên đơn chị Lê Thị T trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án trình bày:

Chị và anh Trần Văn H kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu có đăng ký kết hôn năm 2016 tại UBND xã C, huyện K, là quê của chị. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại nhà bố mẹ đẻ của anh Hưng ở xóm M, xã K. Vợ chồng chung sống hòa thuận được một thời gian sau đó phát sinh mâu thuẫn, vì mâu thuẫn nên chị và anh H đã sống ly thân từ năm 2019.

Theo chị T nguyên nhân dẫn đến việc vợ chồng chị phát sinh mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, lối sống, một phần vì vợ chồng kết hôn đã lâu nhưng không có con chung . Mặc dù vợ chồng đã tự hòa giải, gia đình 2 bên khuyên giải nhưng mâu thuẫn không được khắc phục. Do vậy chị và anh H đã sống ly thân từ tháng 5 năm 2019 đến nay không ai quan tâm đến ai. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa. Chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh H để ổn định cuộc sống

Về con chung và tài sản chung: Chị T xác định vợ chồng không có con chung, không có tài sản chung nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về phía bị đơn anh Trần Văn H trong biên bản sự việc ngày 22/4/2022 trình bày:

Về thời gian, điều kiện kết hôn, anh nhất trí như chị T đã trình bày. Vợ chồng anh sau khi kết hôn về chung sống với nhau chỉ được thời gian 3 tháng thì phát sinh mâu thuẫn do anh phát hiện chị T có mối quan hệ bất chính với người đàn ông khác. Anh đã khuyên giải nhiều lần nhưng chị T không thay đổi. Nay chị T yêu cầu ly hôn thì anh không tham gia vào việc giải quyết vụ án vì anh là người theo đạo Thiên chúa, anh xác định vợ chồng cũng không thể về chung sống với nhau được nữa vì chị T không thay đổi, vợ chồng đã sống ly thân hơn 3 năm, anh đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Về con chung và tài sản chung: Anh H xác định vợ chồng không có con chung, không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K về tố tụng: nguyên đơn và những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Bị đơn chưa thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56 Luật HNGĐ; Điều 147, 228 BLTTDS; Nghị quyết số 326/2016/NQUBTVQH14. Xử lý hôn giữa chị Lê Thị T và anh Trần Văn H; Về án phí: Chị Thủy phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Chị Lê Thị T khởi kiện yêu cầu giải quyết việc ly hôn và tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn với anh Trần Văn H, cư trú tại xóm M, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình; căn cứ quy định tại điều 28 và 39 BLTTDS vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện K.

Bị đơn anh Trần Văn H đã được tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng vắng mặt lần thứ 2 không có lý do, căn cứ khoản 1 Điều 228 BLTTDS Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị T và anh Trần Văn H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn năm 2016 tại UBND xã C, huyện K, tỉnh Ninh Bình là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật HNGĐ. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hòa thuận một thời gian thì mới phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn theo chị T xác định do vợ chồng bất đồng lối sống, quan điểm sống, vợ chồng kết hôn với nhau đã lâu nhưng không có con chung. Mâu thuẫn thời gian dài không được khắc phục, không hòa giải được nên chị và anh H đã sống ly thân từ tháng 5/2019 không còn quan tâm đến nhau

Về phía anh H, anh cho rằng việc vợ chồng phát sinh mâu thuẫn là do ngay sau khi vợ chồng về chung sống được 3 tháng, anh phát hiện chị T có mối quan hệ bất chính với người khác. Anh đã nhiều lần khuyên giải nhưng chị T không thay đổi. Anh không cung cấp được tài liệu chứng cứ nào chứng minh cho việc trình bày này. Nay chị T yêu cầu ly hôn, anh không quan tâm vì anh là người theo đạo

Thiên chúa, anh cũng xác nhận vợ chồng anh đã sống ly thân hơn 3 năm, không thể quay về chung sống với nhau được nữa và đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật

Xác minh tình trạng hôn nhân của chị T và anh H tại UBND xã K là nơi anh chị cư trú; thì chính quyền địa phương xác nhận do mâu thuẫn vợ chồng nên thời gian gần đây chị T, anh H không còn chung sống với nhau nữa, về nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn thì địa phương không nắm rõ do anh H và chị T chưa hòa giải tại cơ sở.

Như vậy mặc dù hai bên trình bày nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là khác nhau nhưng cả chị T và anh H đều xác định vợ chồng hiện không còn chung sống, đã ly thân khoảng 3 năm và không thể quay về chung sống với nhau được nữa. Cả hai bên đều không có biện pháp để hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Từ những phân tích nêu trên đã có đủ cơ sở xác định tình trạng hôn nhân của chị T, anh H hiện nay đã trầm trọng, mâu thuẫn không thể khắc phục, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể duy trì cuộc sống chung; căn cứ quy định tại Điều 51, 56 Luật Hôn nhân gia đình, yêu cầu của chị T giải quyết ly hôn anh H là có căn cứ được chấp nhận.

[3] Về quan hệ con chung và tài sản chung: Chị Lê Thị T và anh Trần Văn H đều xác định không có con chung, tài sản chung, không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét

[4] Về án phí: Căn cứ quy định tại điều 147 BLTTDS và Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 buộc chị T phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 51, 56 Luật HNGĐ; Điều 147, 228 BLTTDS và Nghị quyết 326/2016/NQUBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1/ Xử lý hôn giữa chị Lê Thị T và anh Trần Văn H.

3/ Về án phí: Chị Lê Thị T phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA4538 ngày 16/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- UBND xã C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Thế Anh